

Số : 249 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Phê duyệt quy hoạch điều chỉnh Cảng hàng không Nà Sản - Tỉnh Sơn La Giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch xây dựng đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số 911/1997/QĐ-TTg ngày 24/10/1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống sân bay toàn quốc;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2391/QĐ-BGTVT ngày 11/7/2005 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch tổng thể Cảng hàng không Nà Sản giai đoạn 2005 đến 2020;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải cho phép lập quy hoạch điều chỉnh Cảng hàng không Nà Sản, tỉnh Sơn La giai đoạn đến 2020 và định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-BGTVT ngày 23/01/2014 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí khảo sát và điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Nà Sản, tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không Nà Sản, tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Biên bản hội nghị thẩm định ngày 18/12/2014;

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của: Bộ Quốc phòng (văn bản số 8584/BQP-TM ngày 13/10/2014); Bộ Tài nguyên và Môi trường (văn bản số 4116/BTNMT-KH ngày 25/9/2014); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (văn bản số 7051/BNN-KH ngày 05/9/2014); Bộ Tài chính (văn bản số 12518/BTC-ĐT ngày 06/9/2014); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (văn bản số 5978/BKHĐT-KCHTĐT ngày 13/10/2014); Bộ Xây dựng (văn bản số 2057/BXD-QHKT ngày 29/8/2014); Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La - Sở Giao thông vận tải (văn bản số 1516/SGTVT-KHTC ngày 26/8/2014).

Xét hồ sơ và Tờ trình số 2767/TTr-CHK ngày 31/7/2014 của Cục Hàng không Việt Nam xin phê duyệt quy hoạch điều chỉnh Cảng hàng không Nà Sản - Tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2030 và định hướng sau năm 2030; văn bản số 4209/CHK-QLC ngày 24/10/2014 và văn bản số 5460/CHK-QLC ngày 29/12/2014 của Cục Hàng không Việt Nam tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch điều chỉnh Cảng hàng không Nà Sản - Tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với các nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Quy hoạch điều chỉnh Cảng hàng không Nà Sản - tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

**2. Địa điểm:** Cảng hàng không Nà Sản - tỉnh Sơn La.

**3. Nội dung quy hoạch điều chỉnh**

3.1. Cấp sân bay: 4C (theo mã tiêu chuẩn của tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO)) và sân bay quân sự cấp I.

3.2. Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc: Là cảng hàng không nội địa.

3.3. Tính chất sử dụng: Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

### 3.4. Mục tiêu quy hoạch:

#### a) Giai đoạn đến năm 2020:

- Là cảng hàng không nội địa cấp 4C theo quy định của ICAO;
- Sản lượng vận chuyển hành khách đạt 0,9 triệu hành khách/năm;
- Tổng số vị trí đỗ: 04 vị trí đỗ A320/321;
- Loại máy bay khai thác: A320/321 và tương đương;
- Phương thức tiếp cận hạ cánh: Tiếp cận có thiết bị.

#### b) Giai đoạn đến năm 2030:

- Là cảng hàng không nội địa cấp 4C theo quy định của ICAO;
- Sản lượng vận chuyển hành khách đạt 1,5 triệu hành khách/năm;
- Tổng số vị trí đỗ: 05 vị trí đỗ A320/321;
- Loại máy bay khai thác: A320/321 và tương đương;
- Phương thức tiếp cận hạ cánh: Tiếp cận có thiết bị.

### 3.5. Quy hoạch khu bay:

#### a) Hệ thống đường cất hạ cánh (CHC):

- Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng đường CHC đạt kích thước 2.600 m x 45 m, lề mỗi bên rộng 7,5 m, đảm bảo khai thác cho các loại tàu bay A320/321 và tương đương;
- Giai đoạn định hướng đến năm 2030: Giữ nguyên đường CHC như giai đoạn đến năm 2020.

#### b) Hệ thống đường lăn:

- Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng 01 đường lăn nối từ đường CHC vào sân đỗ tàu bay. Chiều rộng đường lăn 18 m, 02 lề mỗi bên rộng 5 m;
- Giai đoạn định hướng đến năm 2030: Giữ nguyên đường lăn như giai đoạn đến năm 2020.

#### c) Hệ thống sân đỗ tàu bay:

- Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng sân đỗ tàu bay đạt 04 vị trí đỗ A320/A321 trước nhà ga hành khách.
- Giai đoạn định hướng đến năm 2030: Mở rộng sân đỗ tàu bay đạt tối thiểu 05 vị trí đỗ A320/A321 trước nhà ga hành khách và có dự trữ đất để mở rộng sân đỗ khi có nhu cầu.

### 3.6. Quy hoạch khu hàng không dân dụng (HKDD):

#### a) Nhà ga hành khách:

- Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng nhà ga hành khách tại khu đất diện tích khoảng 6.750 m<sup>2</sup>, công suất đạt 450 hành khách/giờ cao điểm, tương đương 900.000 hành khách/năm;

- Giai đoạn định hướng đến năm 2030: Mở rộng nhà ga hành khách theo nhu cầu tại khu đất dự trữ với tổng diện tích khu đất khoảng 9.000 m<sup>2</sup>. Công suất đạt 600 hành khách/giờ cao điểm, tương đương 1,5 triệu hành khách/năm.

b) *Nhà ga hàng hoá*: Toàn bộ quy trình xử lý hàng hóa sẽ được thực hiện trong nhà ga hành khách.

c) *Khu hành chính*:

- Nhà làm việc Cảng vụ hàng không: Xây dựng trên diện tích khu đất khoảng 1.000 m<sup>2</sup> khi có nhu cầu;

- Nhà điều hành của Cảng:

+ Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng nhà điều hành với diện tích sàn khoảng 1.250 m<sup>2</sup>.

+ Giai đoạn định hướng đến năm 2030: Nâng diện tích sàn nhà điều hành lên khoảng 2.000 m<sup>2</sup> khi có nhu cầu.

- An ninh hàng không: Xây dựng trên khu đất khoảng 1.000 m<sup>2</sup> khi có nhu cầu.

- Kiểm dịch y tế, kiểm dịch động vật: Xây dựng trên khu đất khoảng 1.000 m<sup>2</sup> khi có nhu cầu.

- Khu thương mại dịch vụ: Xây dựng trên khu đất khoảng 1.450 m<sup>2</sup> khi có nhu cầu.

- Khu cấp nhiên liệu:

+ Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng khu cấp nhiên liệu với tổng công suất kho chứa nhiên liệu đạt khoảng 3.000 m<sup>3</sup>.

+ Giai đoạn định hướng đến năm 2030: Mở rộng khu cấp nhiên liệu theo nhu cầu trên khu đất quy hoạch với diện tích khoảng 15.000 m<sup>2</sup>, tổng sức chứa khoảng 5.000 m<sup>3</sup>.

- Khu chế biến suất ăn: Quy hoạch trên khu đất dự trữ với diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup>.

- Khu bảo dưỡng máy bay (hangar): Không xây dựng khu bảo dưỡng tàu bay do không có nhu cầu, chỉ nghiên cứu bố trí xây dựng nhà kho để một số trang thiết bị chuyên dụng về bảo dưỡng tàu bay.

- Khu xử lý chất thải: Quy hoạch trên khu đất với diện tích khoảng 2.800 m<sup>2</sup>.

- Hệ thống thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mặt khu bay bằng các mương hở và công ngầm đổ ra các khu vực thoát nước mặt xung quanh hoặc các hồ chứa nhân tạo trong khu bay. Thoát nước khu HKDD qua hệ thống mương, cống hộp đổ vào hệ thống thoát nước chung của đường trục ra vào Cảng;

- Hệ thống thoát nước thải: Được xử lý làm sạch cục bộ và thải qua hệ thống thoát nước mặt;

- Hệ thống cấp nước: Sử dụng nguồn nước từ giếng khoan khi chưa có hệ thống cấp nước sạch của địa phương. Giai đoạn đến năm 2020, nước được xử lý qua trạm xử lý nước với công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm, giai đoạn đến năm 2030, công suất là 330m<sup>3</sup>/ngày đêm. Khi có hệ thống cấp nước sạch của địa phương sẽ kết nối với hệ thống cấp nước sạch của địa phương;

- Hệ thống cấp điện: Sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện của địa phương qua các trạm biến áp và hệ thống các máy phát điện dự phòng của từng phân khu chức năng;

- Khu kiểm định trang thiết bị mặt đất: Xây dựng khi có nhu cầu trong giai đoạn đến năm 2020 với diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup>;

- Nhà xe ngoại trường:

+ Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng nhà xe ngoại trường diện tích 1.200 m<sup>2</sup>.

+ Giai đoạn định hướng đến năm 2030: Mở rộng nhà xe ngoại trường trên khu đất dự trữ phát triển.

- Trạm khẩn nguy cứu hỏa: Xây dựng trạm khẩn nguy cứu hỏa và đầu tư xe cứu hỏa đạt tiêu chuẩn CAT 7 theo quy định của ICAO.

3.7. Quy hoạch khu quản lý bay:

a) *Đài kiểm soát không lưu*: Được xây dựng đồng bộ cùng trung tâm điều hành chỉ huy bay. Chiều cao công trình không vượt quá 45 m so với cao độ đường CHC.

b) *Đài VOR/DME*: Tùy theo nhu cầu khi đầu tư đường CHC mới sẽ nghiên cứu xây dựng đài VOR/DME nằm trên trục tìm đường CHC hoặc bay bằng PBN theo kế hoạch tổng thể phát triển CNS/ATM cụ thể triển khai PBN cùng đường CHC.

c) *Hệ thống thiết bị hạ cánh chính xác ILS*: Được đầu tư đồng bộ cùng đường CHC.

d) *Đèn hiệu hàng không*: Trang bị đồng bộ hệ thống đèn tiếp cận hạ cánh giản đơn khi xây dựng đường CHC;

đ) *Hệ thống quan trắc khí thường tự động*: Được đầu tư đồng bộ cùng đường CHC.

3.8. Quy hoạch giao thông:

a) *Đường trục ra vào Cảng*:

- Giai đoạn đến năm 2020: Đầu tư tuyến đường nối từ Quốc lộ 6 vào Cảng với bề rộng nền đường 21 m, bề rộng phần xe chạy: 2x7,5 m, vỉa hè rộng tối thiểu 2 m.

- Giai đoạn đến năm 2030: Đầu tư đảm bảo quy mô khoảng 1.100 m; 04 làn xe, bề rộng vỉa hè mỗi bên rộng 5,0 m.

b) *Đường nội bộ*: Rộng trung bình từ 5,5 - 7,5 m trở lên tùy từng tuyến đường. Các tuyến đường nội bộ được đầu tư vào giai đoạn đến năm 2020 để đảm bảo giao thông giữa các khu chức năng của Cảng.

c) *Đường công vụ*: Xây dựng đường công vụ quanh Cảng với chiều rộng khoảng 5,5 m trong giai đoạn định hướng đến năm 2030.

d) *Tường rào*: Xây dựng tường rào bảo vệ quanh Cảng với tổng chiều dài khoảng 12.000 m trong giai đoạn định hướng đến năm 2030.

### 3.8. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất quy hoạch đến năm 2030: **498,67 ha**

Trong đó:

- + Diện tích đất khu bay dùng chung do HKDD quản lý: 169,28 ha
- + Diện tích đất do HKDD quản lý: 31,47 ha
- + Diện tích đất quân sự quản lý: 297,92 ha

### Điều 2.

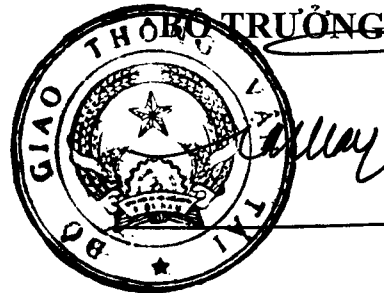
- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Giao Cục Hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch phù hợp quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Khoa học - Công nghệ, Môi trường, Kết cấu hạ tầng giao thông, Vận tải, An toàn giao thông; Cục trưởng các Cục: Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông, Hàng không Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: QP, KH&ĐT, XD, TC, NN&PTNT, TN&MT;
- UBND tỉnh Sơn La;
- Các Thứ trưởng;
- Các TCT: HKVN, Cảng HKVN, Quản lý bay VN;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu VT, Vụ KHĐT (03).



**Đình La Thăng**